

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY NHÔM ĐẮK NÔNG - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /DNA-CDVT

Đắk Nông, ngày tháng năm 2024

V/v: Mời báo giá vật tư phục vụ sửa
chữa Đường ống thu hồi kiểm từ khu
vực E01 về khu vực A08, A06,
A14.3.

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV (DNA) trân trọng cảm ơn các nhà cung cấp đã quan tâm, phối hợp, hỗ trợ DNA trong thời gian vừa qua. Hiện nay, DNA đang triển khai kế hoạch sửa chữa Đường ống thu hồi kiểm từ khu vực E01 về khu vực A08, A06, A14.3 DNA kính mời các nhà cung cấp có đủ năng lực, kinh nghiệm tham gia báo giá các vật tư phục vụ sửa chữa hạng mục nêu trên (theo phụ lục đính kèm).

Quý nhà cung cấp quan tâm xin gửi báo giá về một trong hai địa chỉ sau đây trước ngày 05/12/2024.

- **Địa chỉ 1:** Phòng Cơ điện - Vận tải, Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV, Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đắk R'lấp, Tỉnh Đắk Nông đối với bản giấy.

- **Địa chỉ 2:** Email: dnacdv@gmail.com đối với file điện tử.

Lưu ý: Các nhà cung cấp điền đầy đủ thông tin như **phục lục 2** kèm theo và ký tên đóng dấu đầy đủ. Trường hợp nhà cung cấp gửi trực tiếp báo giá tại văn phòng của DNA vui lòng mang theo giấy giới thiệu, CCDC của người gửi để làm thủ tục giao nhận.

Nhà cung cấp muốn biết thêm chi tiết xin liên hệ Ông Phan Văn Thụy - Trưởng phòng Cơ điện - Vận tải theo sdt: 0986.420.905.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Website công ty (đăng tải);
- Lưu: VT, CDVT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Tiến Dũng

Phụ lục 1: Danh mục vật tư phục vụ sửa chữa Đường ống thu hồi kiềm từ khu vực E01 về khu vực A08, A06, A14.3.

STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Đối tượng/vị trí sử dụng	Đvt	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Thép ống đúc	DN250x6000mm; SCH30; Vật liệu A106 GrB	Đường ống thu hồi kiềm	Mét	812	
2	Thép ống đúc	DN200x6000mm; SCH30; Vật liệu A106 GrB		Mét	427	
3	Co dài	90° DN250; SCH30; Vật liệu A234 GrB		Cái	2	
4	Co dài	45° DN250; SCH30; Vật liệu A234 GrB		Cái	13	
5	Co dài	90° DN200; SCH30; Vật liệu A234 GrB		Cái	15	
6	Co dài	45° DN200; SCH30; Vật liệu A234 GrB		Cái	3	
7	Mặt bích	DN250, BS4504, PN16, PLRF, vật liệu SS400	Đường ống thu hồi kiềm	Cái	18	
8	Mặt bích	DN200, BS4504, PN16, PLRF, vật liệu SS400		Cái	4	
9	Mặt bích	DN100, BS4504, PN16, PLRF, vật liệu SS400		Cái	8	
10	Van bướm	DN200; PN16; WCB; D343Y-16C		Cái	2	
11	Van bướm	DN100; PN16; WCB; D343Y-16C		Cái	4	
12	Bu lông	M20x100; mạ kẽm nhúng nóng		Bộ	156	
13	Bu lông	M16x80; Mạ kẽm nhúng nóng	Đường ống thu hồi kiềm	Bộ	64	
14	Côn giảm	DN250x200; SCH30; Vật liệu A234 GrB		Cái	1	
15	T đều	DN200; SCH30; Vật liệu A234 GrB		Cái	3	
16	T giảm	DN250x100; SCH30; Vật liệu A234 GrB		Cái	1	
17	Cùm ống	DN250; Chữ U; M12; mạ kẽm nhúng nóng		Bộ	3	
18	Cùm ống	DN200 Chữ U; M12; mạ kẽm nhúng nóng		Bộ	10	

STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Đối tượng/vị trí sử dụng	Đvt	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
19	Mặt bích đặc	DN250; PN16; vật liệu SS400	Đường ống thu hồi kiềm	Cái	1	
20	Bu lông neo móng	M20x300; mạ kẽm nhúng nóng		Bộ	32	
21	Thép ống đúc	DN100x6000mm; SCH30; Vật liệu A106 GrB		Mét	357	
22	Co dài	90° DN100; SCH30; Vật liệu A234 GrB		Cái	13	
23	T đều	DN100; SCH30; Vật liệu A234 GrB	Đường ống thu hồi kiềm	Cái	1	
24	T giảm	DN200x100; SCH30; Vật liệu A234 GrB		Cái	2	
25	Cùm ống DN100	Chữ U; M10; mạ kẽm nhúng nóng		Bộ	54	
26	Phụ gia	Sikament R7N		Lít	54.6	
27	Sơn lót	Chống gỉ gốc Epoxy dày 80µm		Kg	128.6	
28	Sơn phủ	Chống ăn mòn gốc Polyurethan dày 50µm		Kg	239	

Phụ lục 2: Mẫu biểu báo giá

STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Thời gian bảo hành	Thời gian, tiến độ cung cấp	Giấy tờ kèm theo	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1												
2												
3												
	Tổng cộng trước thuế:											
	Thuế GTGT:											
	Tổng cộng sau thuế:											
	Bằng chữ:.....											

Yêu cầu khác: Thời gian hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 45 ngày.